

Bản án số 475/2023/HC-PT
Ngày 28-6-2023
V/v: khiếu kiện quyết định
hành chính về thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Cường;
ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Hải Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 434/2022/TLPT-HC ngày 17 tháng 10 năm 2022 về khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 96/2021/HC-ST ngày 31-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6958/2023/QĐPT-HC ngày 12-6-2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: chị Nguyễn Thị Thùy L sinh năm 1989; trú tại: phường T, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: bà Trần Thị I sinh năm 1965; trú tại: phường T, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; có mặt khi xét xử; vắng mặt khi tuyên án.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường X, quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị D; đều trú tại: phường X, quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện trình bày: hộ gia đình ông Đỗ Hữu P được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 911188 ngày 26-12-2000, trong đó có thửa đất số 65, tờ bản đồ số 13, xã X, huyện T, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc sử dụng là đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP ngày 29-7-1993 của Chính phủ.

Tại Đơn đề nghị ghi ngày 04-8-2014 mang tên Đỗ Hữu P và Nguyễn Thị D gửi UBND phường X, UBND quận B và UBND thành phố Hà Nội có nội dung đã chuyển nhượng thửa đất số 65(2), là một phần thửa đất số 65, tờ bản đồ số 13 cho anh em ông Trần Tiến K vào năm 2002, đã giao đất, nhận đủ tiền và không xảy ra tranh chấp.

Ngày 24-3-2004, ông Trần Tiến K lập văn bản tặng cho cháu gái là chị Nguyễn Thị Thùy L căn nhà cấp 4 và cây cối trên diện tích 145 m² ghi tên thửa đất số 65(2), tờ bản đồ số 13, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

Các bên không làm thủ tục chuyển nhượng đất và thủ tục tặng cho nhà đất nêu trên tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ông Trần Tiến K không kê khai sử dụng sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D. Chị Nguyễn Thị Thùy L cũng không đăng ký, kê khai sử dụng đất sau khi nhận tặng cho quyền sử dụng đất.

Theo lời khai của chị Nguyễn Thị Thùy L và người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị L thì đối với diện tích còn lại của thửa đất số 65, ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D cũng đã chuyển nhượng cho người khác.

Thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật các thửa đất đấu giá quyền sử dụng đất xây dựng nhà ở trên địa bàn xã X, UBND huyện T ra Quyết định số 6665/QĐ-UBND ngày 08-9-2009 thu hồi 230 m² đất của thửa số 65 đối với Hộ gia đình ông Đỗ Hữu P ở thôn Trung, xã X, huyện T, thành phố Hà Nội. UBND huyện T cũng ban hành Quyết định số 16330/QĐ-UBND ngày 10-12-2010 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Hộ gia đình ông Đỗ Hữu P như sau:

- Bồi thường 230 m² đất x 201.600 đồng/m² = 46.368.000 đồng.

- Các khoản hỗ trợ:

+ Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất: 9 người x 3.960.000 đồng = 35.640.000 đồng.

+ Hỗ trợ theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29-9-2009 của UBND thành phố Hà Nội: 230 m² x 9.452.571 đồng/m² x 30% = 652.227.399 đồng.

- Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng: 230 m² x 3.000 đồng/m² = 690.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 734.925.399 đồng.

UBND quận B tiến hành công tác giải phóng mặt bằng nhưng ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị D khai đã chuyển nhượng đất nên không còn nghĩa vụ bàn giao mặt bằng. UBND quận B và UBND phường X tuyên truyền vận động bàn

giao mặt bằng nhưng chủ tài sản không xác định được và không phối hợp nên Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 13-5-2014 áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với chủ sử dụng đất là hộ gia đình bà Nguyễn Thị D vợ của ông Đỗ Hữu P.

Ngày 18-9-2014 UBND quận B phối hợp với UBND phường X tổ chức cưỡng chế thu hồi đất.

Hộ gia đình ông Đỗ Hữu P đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ như trên và trả ½ số tiền cho chị Nguyễn Thị Thùy L, đại diện nhận tiền là bà Trần Thị L. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị Thùy L không chấp nhận việc thu hồi đất thực hiện dự án. Chị Nguyễn Thị Thùy L cho rằng việc cưỡng chế và thu hồi đất không đúng pháp luật nên đã khiếu nại. UBND quận B ra Thông báo số 299/TB-UBND ngày 05-12-2014 không thụ lý giải quyết vì cho rằng chị Nguyễn Thị Thùy L không có quyền và lợi ích liên quan đến thửa đất. Chị Nguyễn Thị Thùy L tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch UBND quận B ra Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 24-7-2015 có nội dung không chấp nhận khiếu nại của chị Nguyễn Thị Thùy L và giữ nguyên Thông báo số 299/TB-UBND ngày 05-12-2014. Chị Nguyễn Thị Thùy L tiếp tục khiếu nại thì UBND thành phố Hà Nội ban hành Văn bản số 1174/UBND-BTCD ngày 02-3-2016 có nội dung yêu cầu Chủ tịch UBND quận B hủy Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 24-7-2015 và chỉ đạo các phòng ban chuyên môn làm việc với chị Nguyễn Thị Thùy L, ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D và những người có liên quan, kiểm tra rà soát lại hồ sơ, quá trình sử dụng đất thực tế để có phương án xử lý đảm bảo quyền lợi của công dân. Sau đó chị Nguyễn Thị Thùy L vẫn không nhận được kết quả giải quyết khiếu nại.

Trong quá trình giải phóng mặt bằng, UBND phường X đã ban hành các quyết định về xử lý hành chính đối với bà Nguyễn Thị D, cụ thể:

- Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 10-7-2014 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả về hành vi sử dụng đất sai mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11-11-2009 của Chính phủ;

- Quyết định số 150/QĐ-CC ngày 30-7-2014 cưỡng chế thi hành Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 10-7-2014 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nêu trên.

Ngày 19-01-2016, chị Nguyễn Thị Thùy L nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân quận B đề nghị giải quyết việc UBND quận B tổ chức lực lượng phá dỡ nhà, tài sản, thu hồi đất mà không có quyết định thu hồi, quyết định cưỡng chế. Tòa án nhân dân quận B đã ra Thông báo số 19/TB-TA ngày 03-02-2016 yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy L bổ sung tài liệu kèm theo đơn khởi kiện. Ngày 25-4-2016 bà Trần Thị L là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Thùy L nộp bổ sung tài liệu khởi kiện nhưng chưa đầy đủ. Tòa án nhân dân quận B tiếp tục ra Thông báo số 33/TB-TA ngày 02-5-2016 yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy L bổ sung tài liệu kèm theo đơn khởi kiện. Sau đó Tòa án nhân dân quận B có Công văn số 185/CV-TA ngày 10-8-2016 chuyển đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để xem xét, giải quyết theo thẩm

quyền quy định tại Điều 32 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, có hiệu lực pháp luật từ ngày 01-7-2016.

Ngày 17-5-2017 chị Nguyễn Thị Thùy L gửi theo đường bưu điện Đơn khởi kiện bổ sung, theo đó yêu cầu hủy Quyết định số 6665/QĐ-UBND ngày 08-9-2009 của UBND huyện T về việc thu hồi đất và các quyết định hành chính phát sinh từ quyết định này, đồng thời yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại đã xảy ra, đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm mọi giao dịch, chuyển dịch và thay đổi hiện trạng đất đã cưỡng chế.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Thông báo số 157/2018/TB-TA ngày 04-5-2018 về việc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy L.

Trong quá trình tham gia tố tụng, biết được các quyết định cụ thể liên quan đến hoạt động thu hồi đất nên chị Nguyễn Thị Thùy L bổ sung yêu cầu khởi kiện, theo đó đề nghị:

- Hủy Quyết định số 16330/QĐ-UBND ngày 10-12-2010 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất;

- Tuyên bố hành vi do UBND quận B và UBND phường X thực hiện tổ chức cưỡng chế phá dỡ ngày 18-9-2014 là trái pháp luật.

Đồng thời, chị Nguyễn Thị Thùy L đề nghị hủy:

- Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 10-7-2014 của UBND phường X áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Quyết định số 150/QĐ-CC ngày 30-7-2014 của UBND phường X cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Chị Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ về đất mà đề nghị được trả lại nhà và công trình trên đất vì cho rằng bị cưỡng chế trái pháp luật.

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị Thùy L không khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính nào khác.

Về lý do khởi kiện:

- Chị Nguyễn Thị Thùy L cho rằng sử dụng 140 m² đất là hợp pháp vì được bác ruột là ông Trần Tiến K tặng cho theo Giấy cho nhà đất lập ngày 24-3-2004. Nguồn gốc đất do ông Trần Tiến K nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D năm 2002. Hai bên mua bán một phần thửa đất số 65, tờ bản đồ số 13, loại đất sản xuất nông nghiệp, đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 911188 ngày 26-12-2000 mang tên ông Đỗ Hữu P. Phần diện tích còn lại của thửa đất số 65 này ông Đỗ Hữu P cũng đã chuyển nhượng cho người khác.

- Chị Nguyễn Thị Thùy L cho rằng tại thời điểm chuyển nhượng, thửa đất

số 65 đã được đính chính trong Giấy chứng nhận là đất “T. cư” nhưng cũng thừa nhận việc đính chính này bằng chữ viết tay, không được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

- Chị Nguyễn Thị Thùy L thừa nhận chỉ có giấy tờ viết tay về sử dụng nhà đất. Chị Nguyễn Thị Thùy L khai chưa làm được thủ tục sang tên, tách thửa bởi UBND quận B trả lời đã tạm dừng việc đăng ký sang tên, chuyển nhượng. Quá trình sử dụng nhà đất của chị L không nộp thuế với Nhà nước nhưng có lập hợp đồng điện nước.

- Chị Nguyễn Thị Thùy L khẳng định là người quản lý, sử dụng nhà đất từ năm 2004 đến khi bị cưỡng chế thu hồi nhưng không rõ bị thu hồi đất theo trường hợp nào, là thực hiện dự án hay do vi phạm hành chính cần khắc phục hậu quả, bởi UBND quận B và UBND phường X không thông báo hay làm thủ tục thu hồi đất đối với chị Nguyễn Thị Thùy L, mà chỉ tiến hành đối với ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D là không đúng.

- Chị Nguyễn Thị Thùy L và bà Trần Thị L cho rằng việc sử dụng 140 m² đất là hợp pháp và phù hợp với quy hoạch, giả sử có thu hồi đất để đấu giá đất ở thì chị Nguyễn Thị Thùy L phải được ưu tiên mua để ổn định cuộc sống và phù hợp với hiện trạng.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND và UBND quận B trình bày:

UBND huyện T đã có Quyết định số 4735/QĐ-UBND ngày 30-11-2007 phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật các thửa đất đấu giá quyền sử dụng đất xây dựng nhà ở trên địa bàn xã X. UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 23-9-2008 thu hồi 2.936 m² đất nhỏ lẻ, xen kẹt trong khu dân cư xã X, huyện T, thành phố Hà Nội, giao cho UBND xã X xây dựng hạ tầng kỹ thuật thửa đất đấu giá quyền sử dụng đất xây dựng nhà ở. Thực hiện các quyết định nêu trên, căn cứ Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND huyện T đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thành lập Tổ công tác của dự án, đồng thời chỉ đạo UBND xã X phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác thu hồi đất. Trong phạm vi thực hiện dự án có thửa đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Đỗ Hữu P được giao theo Nghị định 64/CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ và đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1878/QĐ-UBND và Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 26-12-2000.

Quá trình giải phóng mặt bằng, các cơ quan chuyên môn của UBND quận B không nhận được thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình ông Đỗ Hữu P với ông Trần Tiến K hay chị Nguyễn Thị Thùy L. Trên cơ sở xác nhận của UBND phường X về nguồn gốc và giấy tờ sử dụng đất, UBND quận B thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D. Chị Nguyễn Thị Thùy L không thuộc đối tượng thu hồi đất, không thuộc đối tượng được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại Quyết định số 6665/QĐ-UBND ngày 08-9-2009 và Quyết định số

16330/QĐ-UBND ngày 10-12-2010 của UBND huyện T. Quan điểm của UBND quận B là chị Nguyễn Thị Thùy L không có quyền khởi kiện vụ án hành chính này, nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại Văn bản số 83/UBND-ĐC ngày 10-3-2021 UBND phường X thể hiện:

Hộ gia đình ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D là chủ sử dụng thửa đất số 65, tờ bản đồ số 12 diện tích 230 m² loại đất được giao sản xuất nông nghiệp. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, UBND phường X phát hiện vi phạm về sử dụng đất không đúng mục đích nên đã ra Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 20-7-2010 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng và Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 11-10-2013 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Sau đó UBND phường X đã ban hành Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 04-6-2014 thu hồi, hủy bỏ 02 Quyết định xử lý hành chính nêu trên với lý do: không xác định được chủ đầu tư xây dựng trên đất nông nghiệp. Sau đó, thực hiện kết luận của Chủ tịch UBND quận B về xử lý vi phạm về đất đai, Chủ tịch UBND phường X ban hành:

- Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 10-7-2014 của UBND phường X áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi sử dụng đất đai sai mục đích, đối với bà Nguyễn Thị D;

- Quyết định số 150/QĐ-CC ngày 30-7-2014 của UBND phường X cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 126/QĐ-KPHQ ngày 10-7-2014 nêu trên.

Tuy nhiên, UBND phường X không tổ chức cưỡng chế thực hiện 2 quyết định này mà tham mưu, phối hợp với UBND quận B thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 13-5-2014 của UBND quận B.

Quá trình phối hợp triển khai thực hiện dự án, UBND phường X đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Hộ gia đình ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D thể hiện quan điểm đã chuyển nhượng đất nhưng người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất sai mục đích không đồng ý với chủ trương thu hồi đất nên không phối hợp để xác định quyền lợi, nghĩa vụ.

Hộ gia đình ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thông báo các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ và không nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L.

Bà Trần Thị L khai anh trai là ông Trần Tiến K đã chết, vợ đã ly hôn và có con trai là anh Trần Trường G, con gái là chị Trần Hồng V. Gia đình không xảy ra tranh chấp về hợp đồng ông Trần Tiến K tặng cho chị Nguyễn Thị Thùy L nhà đất.

Tại Bản án số 96/2021/HC-ST ngày 31-3-2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng khoản 2 Điều 3, các điều 30, 32, 204 và 206 Luật tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 39, Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 71 Luật đất đai năm 2013; từ Điều 49 đến Điều 60 Nghị định số 84/2007/ NĐ-CP ngày

25-5-2007 của Chính phủ; khoản 1, khoản 2 Điều 14, Điều 32, Điều 41 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ; quyết định bác yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L đề nghị hủy:

- Quyết định số 6665/QĐ-UBND ngày 08-9-2009 của UBND huyện T về việc thu hồi đất;

- Quyết định số 16330/QĐ-UBND ngày 10-12-2010 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 13-5-2014 của Chủ tịch UBND quận B về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất.

Bác yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L đề nghị tuyên bố hành vi tổ chức cưỡng chế phá dỡ do UBND quận B và UBND phường X thực hiện ngày 18-9-2014 là trái pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy L như sau:

- Hủy Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 10-7-2014 của UBND phường X áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Hủy Quyết định số 150/QĐ-CC ngày 30-7-2014 của UBND phường X cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14-4-2021, người khởi kiện là chị Nguyễn Thị Thùy L kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Trần Thị L đề nghị chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, với lý do: việc sử dụng 140 m² đất là hợp pháp, do bác ruột là ông K tặng cho chị L vào năm 2004, nguồn gốc đất do ông K nhận chuyển nhượng từ ông P, bà D; việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện vụ án

Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, việc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt người bị kiện là UBND quận B, Chủ tịch UBND phường X; nhưng các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định.

[2]. Về nội dung

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Quyết định số 4735/QĐ-UBND ngày 30-11-2007, UBND huyện T đã phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật các thửa đất đấu giá quyền sử dụng đất xây dựng nhà ở trên địa bàn xã X. UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 23-9-2008 thu hồi 2.936 m² đất nhỏ lẻ, xen kẹt trong khu dân cư xã X, huyện T, thành phố Hà Nội, giao cho UBND xã X xây dựng hạ tầng kỹ thuật thửa đất đấu giá quyền sử dụng đất xây dựng nhà ở. Thực hiện các quyết định nêu trên, UBND huyện T đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; thành lập Tổ công tác của dự án; đồng thời chỉ đạo UBND xã X phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác thu hồi đất. Trong phạm vi thực hiện dự án có thửa đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Đỗ Hữu P được giao theo Nghị định 64/CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ và đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1878/QĐ-UBND và Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 26-12-2000.

Chị Nguyễn Thị Thùy L khai sử dụng thửa đất 65(2) do được tặng cho từ bác là ông Trần Tiến K. Nguồn gốc đất do ông Trần Tiến K nhận chuyển nhượng từ gia đình ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D nhưng không làm thủ tục đăng ký kê khai sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền. Việc tự ý xây dựng nhà ở trên đất sản xuất nông nghiệp là vi phạm pháp luật về đất đai.

Quá trình thực hiện dự án diễn ra trong thời gian dài, bắt đầu từ năm 2009 đến ngày 18-9-2014 mới cưỡng chế thu hồi đất. UBND huyện T, sau này là UBND quận B phối hợp với UBND phường X tiến hành các thủ tục thu hồi đất nhưng chị Nguyễn Thị Thùy L không phối hợp với cơ quan chức năng. UBND huyện T, sau này là UBND quận B đã phải áp dụng thủ tục thu hồi đất với hộ gia đình ông Đỗ Hữu P; việc người khởi kiện cho rằng không biết chủ trương thu hồi đất, không biết thủ tục cưỡng chế thu hồi đất là không có căn cứ.

Đại diện cho hộ gia đình là ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D được giao sử dụng thửa đất nông nghiệp này cũng được UBND huyện T, sau này là UBND quận B thông báo để làm thủ tục thu hồi đất, khi đó đại diện hộ gia đình khẳng định đã chuyển nhượng, cơ quan thực hiện thủ tục thu hồi đất lập biên bản không xác định được chủ tài sản trên đất. Hoạt động thu hồi đất còn được UBND phường X kiểm tra vi phạm để ra các quyết định xử lý hành chính nhưng cũng không xác định được chủ tài sản trên đất, sau đó phải ra quyết định xử lý hành chính đối với chủ hộ gia đình được giao đất là bà Nguyễn Thị D; việc người khởi kiện cho rằng không biết bị thu hồi đất, cưỡng chế cũng như không biết về thủ tục thu hồi đất là không có căn cứ; không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình giải phóng mặt bằng, các cơ quan chuyên môn của UBND quận B không nhận được thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất

giữa hộ gia đình ông Đỗ Hữu P với cá nhân khác cũng như với chị Nguyễn Thị Thùy L. Trên cơ sở xác nhận của UBND phường X về nguồn gốc và giấy tờ sử dụng đất, UBND quận B thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D để ban hành Quyết định số 6665/QĐ-UBND ngày 08-9-2009 về thu hồi đất và Quyết định số 16330/QĐ-UBND ngày 10-12-2010 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D là đảm bảo trình tự, thủ tục thu hồi đất quy định tại từ Điều 49 đến Điều 60 Nghị định số 84/2007/ NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ và Điều 41 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ.

Về nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ: theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ thì người đang sử dụng đất có đủ điều kiện thì được bồi thường về đất. Trong khi đó, chị Nguyễn Thị Thùy L không là người có đủ điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9, 10 và 11 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ và Điều 44, Điều 45, Điều 46 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ; do đó, việc chị Nguyễn Thị Thùy L cho rằng được ưu tiên mua đấu giá vị trí đất bị thu hồi là không có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và người đại diện ủy quyền cho rằng thửa đất mang số hiệu 65 của hộ gia đình ông Đỗ Hữu P được giao sử dụng là đất nông nghiệp nhưng đã dính chính trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 65(2) loại đất thổ cư là không cơ sở vì: trước thời điểm thu hồi đất thực hiện dự án đấu giá quyền sử dụng đất thì thửa đất sản xuất nông nghiệp mang số 65, tờ bản đồ số 13, xã X, huyện T, thành phố Hà Nội chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất. Việc sửa thông tin bằng chữ viết tay “T. cư” không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên không là cơ sở để xác định mục đích sử dụng thửa đất đã được chuyển thành đất thổ cư. Chị L đề nghị được xem xét chính sách thu hồi theo loại đất thổ cư là không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ.

Hộ gia đình ông Đỗ Hữu P xác định đã chuyển nhượng đất, không liên quan đến tài sản trên đất. Chị Nguyễn Thị Thùy L không kê khai sử dụng đất, không phối hợp với cơ quan chức năng để thực hiện dự án. Trong khi đó, UBND quận B và UBND phường X không thể xác định được người sử dụng đất trên thực tế nên đã ra Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 13-5-2014 về việc cưỡng chế; tổ chức cưỡng chế ngày 18-9-2014 để thu hồi thửa đất số 65, tờ bản đồ số 13 xã X, huyện T (nay là phường X, quận B), thành phố Hà Nội đối với hộ gia đình ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D là đúng quy định tại Điều 32 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ.

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị Thùy L và người đại diện theo ủy quyền khai chưa nhận được quyền lợi do bị thu hồi đất là không phù hợp với Giấy nhận tiền đền ngày 01-4-2016 có nội dung: bà Trần Thị L, chứng minh nhân dân số 060777040 do Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 26-4-2004 nhận của ông Đỗ Hữu P số tiền 365.814.000 đồng là tiền ông Đỗ Hữu P bán 129 m² đất. Phần dưới của

giấy nhận tiền ghi bổ sung: biểu ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị D 40.000.000 đồng trong số 365.814.000 đồng. Mặt khác, đương sự không khởi kiện nội dung này.

Hoạt động thu hồi đất của UBND huyện T, sau này là UBND quận B đối với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 13 xã X, huyện T (nay là phường X, quận B), thành phố Hà Nội là đúng pháp luật. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và để giải phóng mặt bằng thì sẽ thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ như nhận định trên.

Tuy nhiên, trong công tác phối hợp giải phóng mặt bằng, UBND phường X lại ban hành các quyết định xử lý hành chính và cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính đối với bà D là không phù hợp, vì bà D không còn quản lý tài sản này. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy L hủy Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 10-7-2014 và Quyết định số 150/QĐ-CC ngày 30-7-2014 của Chủ tịch UBND phường X là đúng.

Với các lý do trên, xét thấy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự là đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[3]. Về án phí: chị L phải nộp án phí theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thùy L và giữ nguyên quyết định của Bản án số 96/2021/HC-ST ngày 31-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Chị Nguyễn Thị Thùy L phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận ông Lưu Việt T đã nộp thay chị L số tiền trên vào ngày 06-6-2021, tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND tp. Hà Nội;
- Cục THA dân sự tp. Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam